

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 21 -5 - 2024
“Về việc Ly hôn, tranh chấp
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đặng Thị Thu Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Đức Thủy;

2. Bà Trần Thị Hồng Thuý

- Thư ký phiên toà: Bà Lý Việt Thuý - Thư ký Toà án nhân dân huyện Định hoá, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Đinh Khánh Luyện- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXX-ST ngày 03 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H sinh năm 1992

Địa chỉ: Xóm H, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn H1 sinh năm 1983

Địa chỉ: Xóm H, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Hoàng Văn H1 kết hôn năm 2014 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Đôi bên kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự

nhất trí của gia đình đôi bên, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc. Nhưng vài năm sau, cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã ly thân hơn một năm nay. Nay chị **H** xác định tình cảm vợ chồng không còn. Đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh **H1**.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là **Hoàng Thu H2** sinh ngày 31/3/2015 và **Hoàng Quốc H3** sinh ngày 12/3/2019. Chị **H** nhất trí để anh **H1** trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Chị **H** xác định tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị **H** xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung: Chị **H** xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Về phía bị đơn anh **Hoàng Văn H1**:*

Tại phiên tòa ngày hôm nay anh **H1** vắng mặt, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành làm việc lấy lời khai của anh. Tại biên bản lấy lời khai anh **H1** xác định: Về thời gian tổ chức lễ cưới, kết hôn như chị **H** trình bày là đúng. Vợ chồng anh kết hôn là tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn đỉnh điểm và đầu năm 2023. Chị **H** tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống nên vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và đã vài lần thuyết phục chị **H** về đoàn tụ nhưng chị **H** vẫn kiên quyết xin ly hôn. Thời gian ly thân hai vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau. Do chị **H** kiên quyết xin ly hôn nên anh **H1** nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là **Hoàng Thu H2** sinh ngày 31/3/2015 và **Hoàng Quốc H3** sinh ngày 12/3/2019. Anh **H1** đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con anh **H1** nhất trí để chị **H** tự nguyện, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh **H1** xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung: anh **H1** xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án cháu **Hoàng Thu H2** đã trên bảy tuổi, có đơn trình bày nguyện vọng ở với bố nếu bố mẹ cháu ly hôn vì cháu rất yêu bố và ông bà.

Toà án đã tiến hành làm việc với bà **Bùi Thị C** là mẹ đẻ anh **H1**. Bà cô trình bày: Về quan hệ hôn nhân từ khi anh **H1** và chị **H** kết hôn năm 2014 chung sống

cùng ông bà. Chị H và anh H1 đến năm 2017 thì mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn đình điểm là năm 2023 chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Hai bên gia đình đã nhiều lần hoà giải nhưng không thành. Anh H1 và chị H tiếp tục mâu thuẫn và ly thân. Gia đình bà có nguyện vọng hai con về đoàn tụ nhưng không được thì tùy thuộc vào sự quyết định của vợ chồng anh H1 và chị H.

Về con chung: Bà xác định hai con chung H2 và H3 vẫn do anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng và đang ở cùng vợ chồng bà. Bà cam đoan tạo mọi điều kiện về nơi ăn, chốn ở cho anh H1 và hai cháu.

Trước khi chuyển sang phần nghị án, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Hóa về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án.

Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn anh Hoàng Văn H1 từ khi bị khởi kiện về việc ly hôn đã không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Hoàng Văn H1 và chị Nguyễn Thị H đều đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện Định Hóa xét xử vắng mặt tất cả các đương sự tại phiên tòa là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, chị H được ly hôn anh H1. Về con chung: Hoàng Thu Hương sinh ngày 31/3/2015 và Hoàng Quốc H3 sinh ngày 12/3/2019. Anh H1 và chị H đều nhất trí giao anh H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh H1 và chị H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét. Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung: Không có, vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết; Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ theo quy định của pháp luật, tiến hành hòa giải vợ chồng về đoàn tụ nhưng không tiến hành hòa giải được do anh H1 không đến Tòa án làm việc. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn H1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Trước khi kết hôn, có tìm hiểu, hôn nhân là tự nguyện. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn H1 là hợp pháp. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh Hoàng Văn H1 và đề nghị giải quyết về con chung. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án ly hôn mà bị đơn cư trú tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự trong vụ án: Quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn H1 đều đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt tất cả người tham gia tố tụng trong vụ án.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H nhận thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng có thời gian hòa thuận, hạnh phúc, sau đó vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn trong ăn, ở sinh hoạt hàng ngày. Chị H và anh H1 đã nhiều lần được gia đình hoà giải nhưng không thành. Vợ chồng đã ly thân được hơn một năm nay. Như vậy, cho thấy giữa hai vợ chồng đã không tìm được tiếng nói chung, có mâu thuẫn, dẫn đến việc chị H xin ly hôn.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng H1 không đến Tòa án. Từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay chị H và anh H1 vẫn không thể hàn gắn tình cảm. Trong quá trình giải quyết vụ án chị H vẫn kiên quyết xin ly hôn. Anh H1 nguyện vọng vợ chồng về đoàn tụ nhưng nếu chị H kiên quyết xin ly hôn anh H1 nhất trí. Quá trình chung sống tại gia đình anh H1 bà Bùi Thị C (mẹ anh H1) cũng xác định vợ chồng anh H1 và chị H mâu thuẫn trong tình cảm và đã ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay. Gia đình nhiều lần hoà giải nhưng không thành. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ, đúng thực tế. Căn

cứ Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu xin ly hôn của chị **H** cần được chấp nhận.

[2.2]. Về con chung xét thấy: Chị **H**, anh **H1** có hai con chung là **Hoàng Thu H2** sinh ngày 31/3/2015 và **Hoàng Quốc H3** sinh ngày 12/3/2019. Anh **H1** đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Chị **H** cũng nhất trí để anh **H1** trực tiếp nuôi hai con. Hiện hai con chung đang do anh **H1** trực tiếp nuôi dưỡng. Theo đơn nguyện vọng của con **H2** muốn ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Do vậy, cần giao cho anh **H1** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **H** đề nghị cấp dưỡng nuôi con để hai bên tự thỏa thuận, anh **H1** nhất trí chị **H** tự nguyện cấp dưỡng nuôi con và cả hai đều không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị **H** xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, anh **H1** xác định vợ chồng không có tài sản chung và đôi bên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung: Chị **H**, anh **H1** xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; 144; 147; 238; 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, Điều 53; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị H**. Chị **Nguyễn Thị H** được ly hôn anh **Hoàng Văn H1**.

2. Về con chung: Chị **Nguyễn Thị H** và anh **Hoàng Văn H1** có hai con chung là **Hoàng Thu H2** sinh ngày 31/3/2015 và **Hoàng Quốc H3** sinh ngày 12/3/2019. Giao cho anh **Hoàng Văn H1** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

cả hai con chung **Hoàng Thu H2** và **Hoàng Quốc H3** cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **H**, anh **H1** không đề nghị giải quyết cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Chị **Nguyễn Thị H** có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về công nợ: Chị **Nguyễn Thị H**, anh **Hoàng Văn H1** xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị H** phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006186 ngày 02/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Hóa. Chị **T** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Định Hoá (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Định Hóa;
- UBND xã Trung Lương;
- Các đương sự;
- lưu Hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Thu Vân

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 30 tháng 9 năm 2109.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thiện Hoàng.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Thuận;

2. Ông Phạm Đức Tuế.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 105/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2019, về việc tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” giữa:

Nguyên đơn: Chị Hứa Thị Hương, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Xóm Nạ Mộc, xã Bình Yên, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Lê Văn Sơn, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Xóm Nạ Mộc, xã Bình Yên, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của những người tham gia tố tụng, Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử thảo luận toàn bộ những vấn đề cần giải quyết của vụ án và đi đến biểu quyết với kết quả 3/3 nhất trí cụ thể như sau:

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Về điều luật áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Khoản 2, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết 3/3.

- Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hứa Thị Hường và anh Lê Văn Sơn.

Kết quả biểu quyết 3/3.

- Về con chung: Cháu Lê Thị Tâm, sinh ngày 17/4/1996 và Lê Văn Kiên, sinh ngày 21/6/1998, đã trưởng thành, khỏe mạnh bình thường lao động tự túc được. Vì vậy, không đặt ra xem xét, giải quyết về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

Kết quả biểu quyết 3/3.

- Về tài sản chung: Chị Hứa Thị Hường và anh Lê Văn Sơn đều xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

Kết quả biểu quyết 3/3.

- Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Chị Hứa Thị Hường và anh Lê Văn Sơn đều xác định không có. Vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

Kết quả biểu quyết 3/3.

- Về án phí: Chị Hứa Thị Hường phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008697 ngày 05/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Hóa. Chị Hường đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn; báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 30 tháng 9 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

